



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

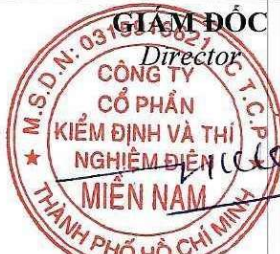
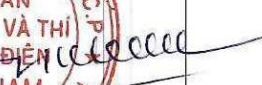
Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                                                                                                                                                               |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 310/2025/KT-ETSC                                                                                                                                      | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA<br/>EXAMINATION REPORT</b>                                                                              |                                                                                                                                                                                                          | Ngày/ Date: 01/03/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                                                                                           | <b>CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT THIÊN NHÃN</b><br>Số 147/3 Nguyễn Đình Chính, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 2. Địa chỉ kiểm tra:<br>Place of inspecting:                                                                                                                  | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện - ETSC                                                                                         |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 3. Đối tượng kiểm tra:<br>Type of inspecting:                                                                                                                 | Sào tiếp đất trung thế/ Medium voltage grounding pole                                                                             |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                                                                                               | 01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site                                                               |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 5. Phương pháp kiểm tra:<br>Method of inspecting:                                                                                                             | ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX                |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                                                                                                   | 28/02/2025                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                                                                                       | Loại/ Type:                                                                                                                       | FLV08958-2                                                                                                                                                                                               |                                            |
|                                                                                                                                                               | Số chế tạo / Seri No                                                                                                              | Không rõ/ NA                                                                                                                                                                                             |                                            |
|                                                                                                                                                               | Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage:                                                                                                 | 35 kV                                                                                                                                                                                                    |                                            |
|                                                                                                                                                               | Chiều dài/ Length:                                                                                                                | 1.980÷3.200mm                                                                                                                                                                                            |                                            |
|                                                                                                                                                               | Tiết diện/ Section:                                                                                                               | 25mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                        |                                            |
|                                                                                                                                                               | Năm sản xuất/ Date of manufacture:                                                                                                | Không rõ/ NA                                                                                                                                                                                             |                                            |
| 8. Phương tiện kiểm tra:<br>Inspecting equipment:                                                                                                             | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                           |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 9. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                                                                                         | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 10. Kết quả kiểm tra:<br>Inspecting result:                                                                                                                   | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 11. Tem kiểm tra:<br>Testing stamp No:                                                                                                                        | <b>181/25/ETSC</b>                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 12. Kết luận<br>Conclusion                                                                                                                                    | Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations                          |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| 13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 03/2026<br>Recommended next testing period:                                                                         |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                          |                                            |
| <b>Người Thực Hiện</b><br>Executor<br><br><br><b>Nguyễn Đức Tiến Luyến</b> |                                                                                                                                   | <br><br><b>Nguyễn Quốc Hoàn</b> |                                            |

KĐ/QT-06/M1

Ban hành lần 2





|                          |                                                            |                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 310/2025/KT-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>EXAMINATION REPORT</b> | Ngày/ Date: 01/03/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition:** Bình thường/ Normal

**10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:**

| Stt<br>No | Đối tượng<br>Object   | Đơn vị<br>Unit | Công bố của nhà sản xuất<br>Manufacturer's<br>announcement | Kết quả<br>Result |
|-----------|-----------------------|----------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1         | Chiều dài sào/ Length | mm             | 1.980÷3.200                                                | 1.980÷3.200       |
| 2         | Đường kính/ Diameter  | mm             | 25                                                         | 25                |

**10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng<br>Object | Trước khi thử cao thế/<br>Before trying so high<br>(MΩ) | Sau khi thử cao thế/<br>After trying so high<br>(MΩ) | Đánh giá<br>Evaluate |
|---------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|
| Pha A-Vỏ (Case)     | > 50.000                                                | > 50.000                                             | Đạt/ Pass            |

**10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Đối tượng<br>Object | U (kV)     | t (minutes) | Mức quy định<br>Standard level | Kết quả<br>Result                            |
|---------------------|------------|-------------|--------------------------------|----------------------------------------------|
| Phase A-Vỏ (Case)   | 105kV/30cm | 5           | Chịu được/ Pass                | Không phóng điện/ No<br>discharge inspection |